

Bản án số: 29/2024/HS-PT
Ngày: 24-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Hòa

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:** Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2024/HSPT ngày 07 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Lều Thị Phương

Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- **Bị cáo:**

Lều Thị P, sinh năm 1983, tại tỉnh Thái Nguyên; tên gọi khác: Không; nơi thường trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nơi ở: ấp A, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; tiền sự, tiền án: không; cha là ông Lều Mạnh H, sinh năm 1950; mẹ là bà Hoàng Thị T, sinh năm 1950; chồng là ông Trịnh Văn L, sinh năm 1979; bị cáo có ba người con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Ngày 07/7/2023 bị khởi tố bị can, cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Đến ngày 16/10/2023 bị Cơ quan điều tra thay đổi biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam, đến ngày 17/10/2023 thì bị bắt tạm giam, đến ngày 31/10/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại

Ông **Đặng Như T1**, sinh năm 1976 (có mặt)

Bà **Nguyễn Thị Minh Đ**, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước

- Người đại diện theo ủy quyền của ông **Đặng Như T1**:

Ông **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông **Đặng Như T1** và bà **Nguyễn Thị Minh Đ** có một mảnh đất diện tích 20.325m² thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại tổ C, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/3/2017, giáp ranh với mảnh đất của ông **Trịnh Văn T2** và ông **Trịnh Văn L** (Ông L là chồng của **Lê Thị P**) có diện tích 25.328m² thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2020, Mảnh đất có nguồn gốc do cha mẹ ruột của ông T2 và ông L là ông **Trịnh Văn T3** và bà **Trần Thị Viên t** cho ngày 07/02/2019. Ngày 02/3/2023 ông **Trịnh Văn L** ký hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B tiến hành đo đạc thửa đất số 08 tờ bản đồ số 19 được đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2020 cấp cho ông L và ông T2. Đến ngày 19/3/2023, **Lê Thị P** là vợ ông L nhận được kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 08 tờ bản đồ số 19, diện tích 25.328m² của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B. Theo kết quả đo đạc thì vợ chồng ông **Đặng Như T1**, bà **Nguyễn Thị Minh Đ** lấn chiếm sang thửa đất số 08 tờ bản đồ số 19 của gia đình ông L 15m ngang (khoảng 1.500m²) nên khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 19/3/2023 **Lê Thị P** đem kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất sang nhà vợ chồng ông T1 và bà Đ yêu cầu ông T1 và bà Đ trả lại cho gia đình ông L diện tích đất bị lấn chiếm nhưng vợ chồng ông T1 và bà Đ không đồng ý vì cho rằng hàng rào xác định ranh giới đất do gia đình ông L tự rào từ năm 2007 và sử dụng ổn định đến khi Ủy ban nhân dân thị xã B tiến hành đo đạc lại thửa đất của các hộ dân trên địa bàn thị xã B vào năm 2021. Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 20/3/2023 trong lúc gia đình ông T1 và bà Đ đi vắng, **Lê Thị P** dùng cửa máy cưa đồ 24 cây cao su trồng năm 2010 của gia đình ông T1 và bà Đ trong phạm vi diện tích đất theo kết quả đo đạc thửa đất của vợ chồng ông T1 và bà Đ đang quản lý sử dụng mà **Lê Thị P** cho rằng lấn chiếm. Đến khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 20/3/2023 vợ chồng ông T1 và bà Đ về nhà thì phát hiện 24 cây cao su bị cưa đổ nên đến Công an xã T, thị xã B trình báo. Nhận được tin báo Công an xã T, thị xã B đến hiện trường xác minh và tiến hành làm việc với **Lê Thị P**, **Lê Thị P** đã khai nhận toàn bộ sự việc P một mình cưa đổ 24 (Hai mươi bốn) cây cao su 13 năm tuổi của gia đình ông T1 và bà Đ. Ngày 22/5/2023 Công an xã T,

thị xã B chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B điều tra theo quy định. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã khai nhận rõ việc cưa đổ 24 cây cao su của gia đình ông T1, bà Đ và giao nộp 01 cưa máy hiệu MAKITA MDE336 màu xanh đen có vỏ bọc lưỡi cưa bằng nhựa màu cam, P sử dụng cưa đổ 24 cây cao su.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Trên diện tích đất theo kết quả đo đạc thửa đất của vợ chồng ông Đặng Như T1, bà Nguyễn Thị Minh Đ có 24 cây cao su bị cưa gốc cách mặt đất thấp nhất 25 cm, cao nhất là 40 cm, đổ hoàn toàn, đầu cưa còn mới, dưới các gốc cây bị cưa vẫn còn nhiều mùn cưa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 09/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận: “24 cây cao su khoảng 13 năm tuổi, tổng giá trị thiệt hại: Sản lượng mủ thiệt hại 252.000đồng/1cây; củi thanh lý: 578.923 đồng/1cây. Tổng giá trị 830.923 đồng/1 cây x 24 cây = 19.942.152đ (M chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng)”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Lều Thị P phạm tội “Hủy hoại tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 35; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Lều Thị P 6 (S) tháng tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành hình phạt của bản án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (ngày 17/10/2023 đến ngày 31/10/2023).

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) cưa máy hiệu MAKITA MDE336 màu xanh đen có vỏ bọc lưỡi cưa bằng nhựa màu cam là công cụ phạm tội của bị cáo.

Về dân sự: Bị cáo Lều Thị P còn phải bồi thường cho ông Đặng Như T1 và bà Nguyễn Thị Minh Đ số tiền 4.548.000đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Ông Đặng Như T1 và bà Nguyễn Thị Minh Đ liên hệ Chi Cục Thi hành án dân sự để nhận số tiền 13.894.152đ (Mười ba triệu tám trăm chín mươi tư nghìn một trăm năm mươi hai đồng), bị cáo P giao nộp để bồi thường cho các bị hại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2024 bị hại Nguyễn Thị Minh Đ kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo P, yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 57.958.152 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm nhận định

Bị hại thay đổi kháng cáo, cụ thể bị hại rút phần kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền 57.958.152 đồng

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đối với phần kháng cáo tăng nặng hình phạt do tại phiên tòa bị hại đã rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử với phần kháng cáo này. Về phần trách nhiệm dân sự tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thoả thuận được với nhau về số tiền bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Minh Đ, sửa Bản án sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Minh Đ được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Do có sự sai lệch về việc xác định diện tích đất giáp ranh thửa đất của gia đình bà Lều Thị P với vợ chồng ông Đặng Như T1 và bà Nguyễn Thị Minh Đ tại tổ C, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nên khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 20/3/2023 trong lúc gia đình ông Đặng Như T1 đi vắng, bị cáo Lều Thị P dùng cửa máy cưa đồ 24 (Hai mươi bốn) cây cao su trồng năm 2010, của gia đình ông T1, bà Đ, tại tổ C, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Tại kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 09/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: “24 cây cao su khoảng 13 năm tuổi, tổng giá trị thiệt hại: Sản lượng mủ thiệt hại 252.000đồng/1cây; củi thanh lý: 578.923 đồng/1cây. Tổng giá trị 830.923 đồng/1 cây x 24 cây = 19.942.152đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên các bị cáo phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Minh Đ, thấy rằng:

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Minh Đ rút kháng cáo về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo P. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại của bị hại: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tổng số tiền 57.958.152 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) theo như yêu cầu của bị hại. Bị cáo đã nộp số tiền 13.894.152đ (mười ba triệu tám trăm chín mươi tư nghìn một trăm năm mươi hai đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, số tiền còn lại là 44.064.000 đồng bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại.

Xét thấy, bị cáo, bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm dân sự của các bên trong vụ án, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lều Thị P, bị hại Nguyễn Thị Minh Đ không phải chịu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị hại Nguyễn Thị Minh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lều Thị P.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Nguyễn Thị Minh Đ

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước về phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố bị cáo Lều Thị P phạm tội “Hủy hoại tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 35; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Lều Thị P 6 (S) tháng tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành hình phạt của bản án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (ngày 17/10/2023 đến ngày 31/10/2023).

Về dân sự: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền 57.958.152 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) được trừ đi số tiền 13.894.152đ (mười ba triệu tám trăm chín mươi tư nghìn một trăm năm mươi hai đồng) bị cáo đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 44.064.000 đồng cho bị hại ông Đặng Như T1 và bà Nguyễn Thị Minh Đ.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lều Thị P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 2.203.200 đồng (hai triệu hai trăm lẻ ba nghìn hai trăm đồng)

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lều Thị P, bị hại Nguyễn Thị Minh Đ không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị hại Nguyễn Thị Minh Đ phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ đi số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Minh Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long ngày 08/4/2024.”

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước (1);
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (1);
- TAND, VKSND thị xã Bình Long (3);
- Chi cục THADS thị xã Bình Long (1);
- CQĐT Công an thị xã Bình Long (1)
- Cơ quan THAHS thị xã Bình Long (1)
- Công an thị xã Bình Long (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2)
- Tổ HCTP, lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư